



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 134 + 135

Ngày 01 tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

- | | | |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| 26-8-2022- | Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND bãi bỏ một phần Quyết định số 003/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 10. | 3 |
| 26-8-2022- | Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10. | 6 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 31-8-2022- Quyết định số 2946/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải. 18

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

- 08-9-2022- Công văn số 3171/UBND-TP v/v đính chính Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 10. 115

(Tiếp theo Công báo số 132 + 133)

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 01/2022/QĐ-UBND

Quận 10, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ một phần Quyết định số 003/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2011
của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc ban hành Quy chế tổ chức và
hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 10**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 222/KT ngày 29 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ một số quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 10 ban hành kèm theo Quyết định số 003/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 10

1. Bỏ cụm từ “đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác

xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân” tại khoản 2 Điều 1.

2. Bỏ cụm từ “giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” tại điểm đ khoản 1 Điều 2.

3. Bỏ cụm từ “giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” tại điểm a khoản 2 Điều 2.

4. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 2.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 02/2022/QĐ-UBND

Quận 10, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 10 tại Tờ trình số 1978/TCKH ngày 30 tháng 6 năm 2022; văn bản thẩm định của Phòng Tư pháp tại Công văn số 279/TP ngày 01 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2022.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 004/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch, đồng thời bãi bỏ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Quận 10)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí

Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 10 (sau đây gọi tắt là Phòng Tài chính - Kế hoạch) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10.

Phòng Tài chính - Kế hoạch có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân Quận 10; đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Chức năng

Phòng Tài chính - Kế hoạch có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Quận 10 quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính - ngân sách, tài sản, kế hoạch và đầu tư; đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã, tổng hợp, thống nhất quản lý các vấn đề về kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận 10 và theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài chính - Kế hoạch có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân Quận:

a) Dự thảo quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10;

b) Dự thảo đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận, phù hợp với quy hoạch đã được thành phố phê duyệt;

c) Dự thảo các quyết định, văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân Quận, Sở Kế hoạch và Đầu tư về công tác kế hoạch và đầu tư trên địa bàn.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực tài chính - ngân sách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo phân công.

3. Lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc Ủy ban nhân dân quận quản lý; thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư; thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân quận làm chủ đầu tư.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, cơ chế, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn Quận.

5. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân các phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận theo quy định.

6. Là đơn vị đầu mối tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách quận và tổng hợp dự toán ngân sách của các phường, phương án phân bổ ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận; Lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định.

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của Ủy ban nhân dân phường, tài chính hợp tác xã, tài chính kinh tế tập thể và các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Quận.

8. Cung cấp thông tin, xúc tiến đầu tư, phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư các phường thuộc quận.

9. Chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân quận quản lý (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có quy định khác) và dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Ủy ban nhân dân phường khi có đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách các phường; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách cấp quận - huyện (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận và quyết toán thu, chi ngân sách phường) báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.

10. Về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân:

a) Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; hướng dẫn hợp tác xã, hộ kinh doanh và người thành lập hợp tác xã, hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh;

b) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quận; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân quận, cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan thuế Quận 10 về tình hình đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn; cung cấp thông tin về đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn quận;

d) Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hợp tác xã, hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh

doanh trên phạm vi địa bàn quận; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

12. Quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phân cấp của Hội đồng nhân dân thành phố. Thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tổ chức thực hiện các quyết định về hình thành, sử dụng, xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Làm chủ tài khoản tạm giữ quản lý số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật.

13. Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn; tổ chức thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật; chủ trì thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước tại địa phương theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ định giá tài sản trong tố tụng hình sự và thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá của nhà nước theo quy định của pháp luật.

15. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật tài chính - ngân sách; giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

16. Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

17. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

18. Quản lý và chịu trách nhiệm về cán bộ, công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

19. Cấp phát, thanh toán, thẩm định quyết toán kinh phí cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 4. Tổ chức bộ máy

Phòng Tài chính - Kế hoạch có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Trưởng phòng là người đứng đầu Phòng Tài chính - Kế hoạch, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

Cụ thể hóa việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong nội quy, quy chế làm việc của phòng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra công chức thuộc quyền quản lý thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm giải trình và xử lý trong trường hợp vi phạm quy định về trách nhiệm giải trình.

2. Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được Trưởng phòng phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

3. Trong số các lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng) phải có ít nhất 01 người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện các

nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính; có ít nhất 01 người được phân công phụ trách về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật;

5. Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế

1. Biên chế công chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định, được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Ủy ban nhân dân quận được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành chung các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm.

Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của Phòng Tài chính - Kế hoạch; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Quận 10:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Quận 10 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng.

Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công.

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận: Trực tiếp hướng dẫn, giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Phòng phụ trách.

- Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 14 phường:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm, hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

6. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp và hỗ trợ Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, ban - ngành, đoàn thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Khi Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân phường của quận có yêu cầu, kiến nghị thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền và thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan, đơn vị có yêu cầu, kiến nghị.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung, sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

(Tiếp theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

QUY TRÌNH 09

Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Công trình Cấp II, Cấp III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
2	Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
2.1	Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu) và các văn bản khác có liên quan	1	Bản sao chứng thực
2.2	Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	thẩm định		
2.3	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
2.4	Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
<p>Để thuận lợi trong quá trình thẩm định, các chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tệp tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng (<i>Quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP</i>))</p>			File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá	Giờ hành	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		nhân	chính		
B2	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyên phòng chuyên môn thụ lý
B3	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
B4	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên ngành	25 ngày làm việc (đối với hồ sơ đủ điều kiện) 3 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	<p>Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 - Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
B4.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		ngành		Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	
B4.2	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
B4.3	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	2 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
B6	Ký duyệt/Kiểm duyệt	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê	– Cho số, đóng dấu – Phát hành văn bản

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				duyệt	
B8	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	– Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân – Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 05	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
5	BM 06	Thông báo kết quả thẩm định KH LCNT - Theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 05	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
5	BM 06	Thông báo kết quả thẩm định KH LCNT - Theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
6	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
7	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các quy định khác có liên quan.

BM04:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BM05:*(Theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)*

CỖ QUAN CHUYÊN MÔN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định báo cáo nghiên cứu khả
thi ĐTXD dự án...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của..... trình
thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo
Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số
62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số... /2021/NĐ-CP ngày ... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định
báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có)
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định đợc gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phýỡng án tuyến công trình, vị trí công trình đợc cơ quan nhà nớc có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trýỡng đầu tư đợc cơ quan nhà nớc có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chýỡng trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trýỡng.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nớc ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chýa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bớc tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Nhý trên;

- ...;

- ...;

- Lýu:...

QUY TRÌNH 10**Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Công trình có cấp nhỏ hơn Cấp III**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
3	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
4	Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
4.1	Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu) và các văn bản khác có liên quan	1	Bản sao chứng thực
4.2	Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định	1	Bản sao chứng thực
4.3	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
4.4	Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)		
	<p>Để thuận lợi trong quá trình thẩm định, các chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng</p>		File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<p>– Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>– Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p>

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên ngành	16 ngày làm việc (đối với hồ sơ đủ điều kiện)	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 - Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
			3 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)	Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				bổ sung	
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt/Kiểm duyệt	Lãnh đạo Sở	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	– Cho số, đóng dấu – Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	– Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân – Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 05	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Thông báo kết quả thẩm định KH LCNT - Theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 05	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Thông báo kết quả thẩm định KH LCNT - Theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các quy định khác có liên quan.

BM05:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định đợc gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phýỡng án tuyến công trình, vị trí công trình đợc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trýỡng đầu tư đợc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chýỡng trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trýỡng.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chýa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các býớc tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Nhý trên;

- ...;

- ...;

- Lýu:...

QUY TRÌNH 11**Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh
cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện nước ngoài**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Thành phần	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu số 31 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP)	03	Bản chính
02	Bản đánh giá an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Mẫu số 27 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP)	03	Bản chính
03	Kế hoạch an ninh (Mẫu số 28 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP)	03	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
1. Tiếp nhận: - Trực tiếp: Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh	10 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ ¹	14.000.000đồng/lần

¹Cảng vụ đường thủy nội địa: 05 ngày;

Cục đường thủy nội địa Việt Nam: 05 ngày.

<p>Minh thuộc Sở Giao thông vận tải; địa chỉ 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại (028) 39500691; Fax: (028) 39514248.</p> <p>- Hình thức phù hợp khác.</p> <p>2. Trả kết quả: Trực tiếp tại nơi nộp hồ sơ ban đầu hoặc bằng hình thức phù hợp khác.</p>		
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Người quản lý khai thác cảng theo quy định.	Giờ hành chính	Hồ sơ theo phần I	
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01 BM 02 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.</p>
B3	Phân công, thụ lý hồ sơ	Phòng Quản lý cảng bến	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01	- Phòng Quản lý cảng bến tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa.

					<ul style="list-style-type: none"> - Phân công Viên chức phòng Quản lý cảng bến xử lý hồ sơ. - Thực hiện tiếp bước B4.
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất văn bản báo cáo giải quyết TTHC	Viên chức phòng Quản lý cảng bến	02 ngày làm việc	<p>Hồ sơ theo phần I BM 01</p> <p>Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Viên chức phòng quản lý cảng bến thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản báo cáo thẩm định. - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý cảng bến	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	<p>Hồ sơ theo phần I BM 01</p> <p>Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng Quản lý cảng bến xem xét hồ sơ và ký tắt trên văn bản dự thảo. - Trình Giám đốc đơn vị ký duyệt. - Thực hiện tiếp bước B6.
B6	Duyệt ký báo cáo thẩm định	Giám đốc Cảng vụ	01 ngày làm việc	<p>Hồ sơ theo phần I BM 01</p> <p>Văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc cảng vụ xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản . - Gửi hồ sơ đến Cục đường thủy nội địa Việt Nam. - Thực hiện tiếp bước B7.

B7	Gửi hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ theo phần I BM 01 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ.	- Lấy số, phát hành Văn bản. - Gửi báo cáo kết quả thẩm định đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam. - Hồ sơ: 02 bộ.
B8	Giải quyết TTHC	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	05 ngày làm việc.	Hồ sơ theo phần I BM 01 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ. Hồ sơ: 02 bộ.	- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ; xem xét phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam gửi kết quả cho Cảng vụ Đường thủy nội địa.
B9	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Bộ phận một cửa	05 ngày làm việc.	Văn bản của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Sau khi nhận được kết quả giải quyết TTHC từ Cục đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ đường thủy nội địa kiểm tra đối chiếu, chuyển về Bộ phận một cửa trả kết quả cho người làm thủ tục
	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo giấy mời	Kết quả	- Trả kết quả cho người làm thủ tục. - Thống kê theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết
4	BM 04	Đơn đề nghị kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 31 Nghị định 08/2021NĐ-CP)
5	BM 05	Bản đánh giá an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Mẫu 27 Nghị định 08/2021NĐ-CP)
6	BM 06	Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 28 Nghị định 08/2021NĐ-CP)
7	BM 07	Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 34 Nghị định 08/2021NĐ-CP)
8	BM 08	Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài đã được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp trước đó (Mẫu 35 Nghị định 08/2021NĐ-CP)

V. HỒ SƠ LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết
4	BM 04	Đơn đề nghị kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 31 Nghị định 08/2021)
5	BM 05	Bản đánh giá an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

		(Mẫu 27 Nghị định 08/2021)
6	BM 06	Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 28 Nghị định 08/2021)
7	BM 07	Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 34 Nghị định 08/2021)
8	BM 08	Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 35 Nghị định 08/2021)
9	//	Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của Cảng vụ Đường thủy nội địa

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Thông tư 01/2018/VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

.....

Số lượng hồ sơ:.....(bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là:ngày.

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số:.....Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 02

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÁNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại..... Email:.....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

2.....

3.....

4.....

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với số điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu mẫu điện tử)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.....

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 04

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và đã được Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở bản đánh giá an ninh, chúng tôi đã xây dựng hoàn thiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định. Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa gồm trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG*(Ký ghi rõ họ tên)***LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP***(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 05

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../GCN-CĐTND

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN

**Phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa
tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
(Lần...)**

Bản kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa của Cảng..... gồm... trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cục Đường thủy nội địa Việt Nam vào ngày... tháng... năm...

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản kế hoạch trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng, thấy rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Các biện pháp bảo đảm an ninh sẽ được thiết lập áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả 3 cấp độ đối với các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan; quy trình ứng phó trước các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại cảng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH
(Họ tên và chữ ký)

PHÊ DUYỆT CỦA
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM
(Ký tên và đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
STATEMENT OF COMPLIANCE SECURITY OF I
NLAND WATERWAY PORT FACILITY**

Số giấy chứng nhận:.....

Statement Number

Cơ quan cấp:.....

Issue by

CHỨNG NHẬN

CERTIFY THAT

Tên Cảng thủy nội địa:.....

Name of the Inland Waterway Port Facility

Địa chỉ của Cảng thủy nội địa:.....

Address of the Inland Waterway Port Facility

Đã tuân theo các quy định tại Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và hoạt động phù hợp với Kế hoạch An ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt;

The compliance of aforementioned Port facility with the provisions of Decree No.../2021/ND-CP dated... 2021 by the Prime Minister on management of inland waterway, and this port facility operates in accordance with the approved Inland Waterway Port Security Plan;

Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt phù hợp với hoạt động của loại tàu:

The Security Plan has been approved for the following vessel operations:

(Liệt kê các loại tàu phù hợp)

(List the appropriate vessels)

Giấy chứng nhận phù hợp này có giá trị đến ngày.... tháng năm.... và hàng năm tùy thuộc vào việc kiểm tra (ghi ở mặt sau).

This Statement Certificate of compliance is valid until..... and every year subject to the verification stated on the overleaf (recorded on the following pages)

Cấp tại...

Issued at:

Ngày cấp:.../.../...

Date of issue

Chữ ký của người có thẩm quyền

Signature of the duly Authorized Official

Đóng dấu

(Seal or Stamp of issuing Authority)

(Trang sau)

XÁC NHẬN HÀNG NĂM
ENDORSEMENT FOR VERIFICATIONS

CHỨNG NHẬN lần 1: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

1st VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...
This Certificate of compliance is valid until
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official)

CHỨNG NHẬN lần 2: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

2nd VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...
This Certificate of compliance is valid until... ..
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official).

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN

PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

(Lần đầu)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:.....

Thời gian tổ chức đánh giá:.....

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

..., ngày..... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

I. Khái quát về cảng (1)

II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)

III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)

IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)

V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)

VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)

VII. Các khuyến nghị

VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

+ Vị trí;

+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;

+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Hàng rào vòng ngoài;

+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v...

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán

bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các Cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

+ Cấp độ an ninh 2;

+ Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);

b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;

c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;

d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;

đ) Loại công trình cảng;

e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;

g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;

h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;

(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?

(4) tham khảo mục 15.7 phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.

(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.

(6) nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	Tổng quát		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
3	Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa		
4	Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
5	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
6	Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt		
7	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
8	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
II	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có Chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
3	Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
7	Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

8	Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
9	Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
III	Các biện pháp an ninh		
1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
1.1	Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được		
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.2	Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.1	Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.2	Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được:	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
3.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.5	Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng:	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
3.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu		
4.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
4.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ;	<input type="checkbox"/> Không
4.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
4.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
4.5	Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
4.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
5.1	Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không?	<input type="checkbox"/> Có.	<input type="checkbox"/> Không
5.2	Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
5.3	Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: A. Mắt	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
5.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5.5	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
6.1	Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.2	Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: A. Đi bộ B. Xe đạp, xe máy C. Ca nô	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
6.3	Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.4	Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.5	Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở Cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
IV	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp		
1	Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

3	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
V	Huấn luyện, thực tập và diễn tập		
1	Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng biển không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
2	Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
3	Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
4	Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
5	Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
VI	Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung		
1	Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
2	Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
VII	Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
1	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
2	Các biện pháp an ninh		
2.1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
2.2	Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa		
2.3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
2.4	Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu		
2.5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
2.6	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an		

	ninh cảng thủy nội địa	
3	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp	
4	Huấn luyện, thực tập và diễn tập	

**TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

(Ký tên)

..., ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO

Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng		Xác định các mối đe dọa		ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI					SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH				
				Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý	Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý
					Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm			Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm	
	Mối đe dọa chính 1	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											
		-											
	Mối đe dọa chính 2	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

..... TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN.....
.....TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA.....

**KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
(Lần...)**

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:.....

(Lưu ý: Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

..., ngày... .. tháng... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Bảng theo dõi sửa đổi, bổ sung Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa

Lời nói đầu

I. Cơ sở pháp lý đối với việc lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (1)

II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị về an ninh (2)

III. Các biện pháp an ninh (3)

IV. Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp (4)

V. Huấn luyện, thực tập và diễn tập (5)

VI. Xem xét lại Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (6)

VII. Các Phụ lục

Phụ lục I: Địa chỉ liên lạc (7)

Phụ lục II: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (8)

Phụ lục III: Sơ đồ và các khu vực hạn chế

Phụ lục IV. Báo cáo các mối đe dọa, sự cố an ninh

**BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KẾ HOẠCH
AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

STT	Ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi (Trang số)	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

Ghi chú:

(1) Nêu rõ các căn cứ pháp lý.

(2) Nêu rõ trách nhiệm về an ninh của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

(3) Nêu tất cả các biện pháp an ninh sẽ được thiết lập, áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả ba cấp độ an ninh và tập hợp theo nhóm các lĩnh vực, cụ thể hóa các khuyến nghị trong bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa thành các biện pháp an ninh.

(4) Nêu rõ trách nhiệm, quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan. Đồng thời nêu tất cả các quy trình ứng phó đối với các tình huống khẩn nguy có thể xảy ra đối với cảng (như sơ tán khỏi cảng, phát hiện vũ khí hoặc chất nổ trong cảng, các thiết bị an ninh bị hỏng.v.v...)

(5) Nêu cụ thể chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại đơn vị mình.

(6) Nêu các quy trình liên quan đến việc xem xét tính hiệu quả của các biện pháp và quy trình an ninh hiện được thiết lập trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa.

(7) Nêu rõ các thông tin về địa chỉ liên lạc của cảng thủy nội địa, doanh nghiệp cảng thủy nội địa, cán bộ an ninh cảng thủy nội địa, trực ban an ninh cảng thủy nội địa v.v...

(8) Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt.

Lưu ý: Từ ngữ sử dụng trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa phải nhất quán với đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

QUY TRÌNH 12**Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện nước ngoài**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Thành phần	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn nghị phê duyệt đánh giá an ninh (Mẫu số 30 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP)	03	Bản chính
02	Bản đánh giá an ninh (Mẫu số 27 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP). Thành phần tham gia họp đánh giá an ninh gồm: cơ quan công an cấp huyện, Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng, Phòng Cảnh sát giao thông cấp tỉnh, Chi cục Hải Quan, Cảng vụ, Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp huyện, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu	03	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
1. Tiếp nhận: - Trực tiếp: Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải; địa chỉ 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện	10 ngày y làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ ¹	11.000.000đồng/lần

¹Cảng vụ đường thủy nội địa: 05 ngày;

Cục đường thủy nội địa Việt Nam: 05 ngày.

thoại (028) 39500691; Fax: (028) 39514248. - Hình thức phù hợp khác. 2. Trả kết quả: Trực tiếp tại nơi nộp hồ sơ ban đầu hoặc bằng hình thức phù hợp khác.		
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Người quản lý khai thác cảng theo quy định	Giờ hành chính	Hồ sơ theo phần I	
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B3	Phân công, xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý cảng bến	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Quản lý cảng bến tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa.

					- Phân công Viên chức phòng Quản lý cảng bến xử lý hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất văn bản báo cáo giải quyết TTHC	Viên chức phòng Quản lý cảng bến	02 ngày làm việc	Hồ sơ theo phần I BM 01 Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ	- Viên chức phòng Quản lý cảng bến thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản báo cáo thẩm định. - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý cảng bến	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01 Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Quản lý cảng bến xem xét hồ sơ và ký tắt trên văn bản dự thảo. - Trình Giám đốc đơn vị ký duyệt.
B6	Duyệt ký báo cáo thẩm định	Giám đốc Cảng vụ	01 ngày làm việc	Hồ sơ theo phần I BM 01 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ	- Giám đốc cảng vụ xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản. - Chuyển cho Bộ phận một cửa phát hành văn bản.
B7	Gửi hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ theo phần I BM 01 Văn bản báo cáo kết	- Lấy số, phát hành Văn bản. - Gửi báo cáo kết quả thẩm định và 02 bộ hồ sơ đến Cục

				quả thẩm định hồ sơ	Đường thủy nội địa Việt Nam.
B8	Giải quyết TTHC	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	05 ngày làm việc.	Hồ sơ theo phần I BM 01 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ. Hồ sơ: 02 bộ.	- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ; xem xét phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam gửi kết quả cho Cảng vụ Đường thủy nội địa.
B9	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Bộ phận một cửa	05 ngày làm việc.	Văn bản của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Sau khi nhận được kết quả giải quyết TTHC từ Cục đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ đường thủy nội địa kiểm tra đối chiếu, chuyển về Bộ phận một cửa trả kết quả cho người làm thủ tục
B10	Trả kết quả, lưu hồ sơ.	Bộ phận một cửa	Theo giấy mời	Kết quả	- Trả kết quả cho người làm thủ tục. - Thống kê theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết
4	BM 04	Đơn đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh (Mẫu 30 Nghị định 08/2021/NĐ-CP)
5	BM 05	Bản đánh giá an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Mẫu 27 Nghị định 08/2021/NĐ-CP)
6	BM 06	Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 33 Nghị định 08/2021/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
10	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
11	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
12	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết
13	BM 04	Đơn đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh (Mẫu 30 Nghị định 08/2021/NĐ-CP)
14	BM 05	Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 27 Nghị định 08/2021/NĐ-CP)
15	BM 06	Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 33 Nghị định 08/2021/NĐ-CP)
16	//	Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của Cảng vụ Đường thủy nội địa

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Thông tư 01/2018/VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÁNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Số lượng hồ sơ:.....(bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là:ngày.

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số:..... Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại.....Email:.....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

2.....

3.....

4.....

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với số điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu mẫu điện tử)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.....

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 04

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.../...

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa
tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**

Kính gửi:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Cảng vụ Đường thủy nội địa... (1)

Tên doanh nghiệp khai thác cảng:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định của Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định và phê duyệt./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG*(Ký ghi rõ họ tên)***LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP***(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Cảng vụ trực tiếp quản lý cảng.

Mẫu số 05

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GCN-CĐTND

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN

**Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa
tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
(Lần...)**

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa của Cảng.....
gồm..... trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cục Đường thủy nội địa Việt
Nam..... vào ngày..... tháng..... năm 20.....

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản đánh giá trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng,
thấy rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Xác định các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Xác định các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Xác định khả năng bị tổn hại.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Xác định, lựa chọn các biện pháp cần áp dụng giảm khả năng tổn hại.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....
.....
.....

..., ngày... tháng... năm...

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH
(Họ tên và chữ ký)

**PHÊ DUYỆT CỦA CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI
ĐỊA VIỆT NAM**
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

**ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI**
(Lần đầu)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:.....

Thời gian tổ chức đánh giá:.....

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

..., ngày..... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

I. Khái quát về cảng (1)

II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)

III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)

IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)

V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)

VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)

VII. Các khuyến nghị

VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

+ Vị trí;

+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;

+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Hàng rào vòng ngoài;

+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v...

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán

bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các Cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

+ Cấp độ an ninh 2;

+ Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);

b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;

c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;

d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;

đ) Loại công trình cảng;

e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;

g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;

h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;

(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?

(4) tham khảo mục 15.7 phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.

(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.

(6) nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	Tổng quát		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
3	Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa		
4	Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
5	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
6	Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt		
7	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
8	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
II	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có Chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
3	Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	nhiệm của mình không?		
7	Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
8	Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
9	Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
III	Các biện pháp an ninh		
1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
1.1	Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được		
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.2	Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	cấp độ an ninh 2 không?		
1.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.1	Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.2	Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được:	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
3.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.5	Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
3.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu		
4.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
4.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ;	<input type="checkbox"/> Không
4.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không

	hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không?		
4.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
4.5	Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
4.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
5.1	Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không?	<input type="checkbox"/> Có.	<input type="checkbox"/> Không
5.2	Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
5.3	Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
5.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5.5	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
6.1	Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

6.2	Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: A. Đi bộ B. Xe đạp, xe máy C. Ca nô	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
6.3	Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.4	Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.5	Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở Cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
IV	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp		
1	Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

5	Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
V	Huấn luyện, thực tập và diễn tập		
1	Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng biển không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
2	Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
3	Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
4	Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
5	Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
VI	Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung		
1	Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
2	Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
VII	Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
1	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
2	Các biện pháp an ninh		
2.1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
2.2	Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa		
2.3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
2.4	Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu		
2.5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
2.6	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa		

3	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp	
4	Huấn luyện, thực tập và diễn tập	

TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
(Ký tên)

..., ngày... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO

Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng		Xác định các mối đe dọa		ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI					SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH				
				Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý	Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý
					Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm			Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm	
	Mối đe dọa chính 1	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											
		-											
	Mối đe dọa chính 2	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

QUY TRÌNH 13**Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa
tiếp nhận phương tiện nước ngoài**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Thành phần	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo Mẫu số 32 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP	03	Bản chính
02	Bản đánh giá an ninh theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP. Thành phần tham gia họp đánh giá an ninh gồm: cơ quan công an cấp huyện, Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng, Phòng Cảnh sát giao thông cấp tỉnh, Chi cục Hải Quan, Cảng vụ, Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp huyện, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu	03	Bản chính
03	Biên bản các buổi tập huấn hoặc diễn tập hoặc huấn luyện theo chương trình Kế hoạch an ninh được phê duyệt	03	Bản chính
04	Giấy chứng nhận phù hợp an ninh (để xác nhận vào trang sau của giấy chứng nhận) theo Mẫu số 35 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP	03	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>1. Tiếp nhận: - Trực tiếp: Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải; địa chỉ 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại (028) 39500691; Fax: (028) 39514248.</p> <p>2. Trả kết quả: Trực tiếp tại nơi nộp hồ sơ ban đầu hoặc bằng hình thức phù hợp khác.</p>	10 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ ⁱ	Bằng 20% mức thu của Điểm a, b Mục 3 biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa, kèm theo Thông tư 198/TT-BTC ngày 08/11/2021 ⁶)

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Người quản lý khai thác cảng theo quy định	Giờ hành chính	Hồ sơ theo phần I	
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ

					chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B3	Phân công, xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý cảng bến	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01	- Phòng Quản lý cảng bến tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa. - Phân công Viên chức phòng Quản lý cảng bến xử lý hồ sơ.
B4	Thẩm định hồ sơ; đề xuất văn bản báo cáo giải quyết TTHC	Viên chức phòng Quản lý cảng bến	02 ngày làm việc	Hồ sơ theo phần I BM 01 Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ	- Viên chức phòng Quản lý cảng bến thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản báo cáo thẩm định. - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý cảng bến	½ ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ theo phần I BM 01 Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Quản lý cảng bến xem xét hồ sơ và ký tắt trên văn bản dự thảo. - Trình Giám đốc đơn vị ký duyệt.

B6	Duyệt ký báo cáo thẩm định	Giám đốc Cảng vụ	01 ngày làm việc	Hồ sơ theo phần I BM 01 Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ	- Giám đốc xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản. - Chuyển cho Bộ phận một cửa phát hành văn bản.
B7	Gửi hồ sơ	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	Hồ sơ theo phần I BM 01 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ	- Lấy số, phát hành Văn bản. - Gửi báo cáo kết quả thẩm định và 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.
B8	Giải quyết TTHC	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	05 ngày làm việc.	Hồ sơ theo phần I BM 01 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ Hồ sơ: 02 bộ.	- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận; xem xét xác nhận vào trang sau của giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam gửi kết quả cho Cảng vụ Đường thủy nội địa
B9	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.5 ngày làm việc	Văn bản của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Sau khi nhận được kết quả từ Cục Đường Thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ kiểm tra đối chiếu, chuyển về

					Bộ phận một cửa trả kết quả cho người làm thủ tục
B10	Trả kết quả, hồ sơ, thống kê theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo giấy mời	Kết quả	- Trả kết quả cho người làm thủ tục. - Thống kê theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết
4	BM 04	Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 32 - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP)
5	BM 05	Bản đánh giá an ninh phải có ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 43 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP (Mẫu 27 - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP)
6	BM 06	Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài đã được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp trước đó (Mẫu 35 - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết
4	BM 04	Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mẫu 32 - Nghị định 08/2021)
5	BM 05	Bản đánh giá an ninh phải có ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 43 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP (Mẫu 27 - Nghị định 08/2021)

6	BM 06	Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài đã được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp trước đó (Mẫu 35 - Nghị định 08/2021)
7	//	Báo cáo kết quả thẩm định xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa của Cảng vụ đường thủy nội địa.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Thông tư 01/2018/VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số 01

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÁNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

.....

Số lượng hồ sơ:.....(bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là:ngày.

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số:..... Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại.....Email:.....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

2.....

3.....

4.....

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với số điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 03

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÁNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.....

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ*(Ký và ghi rõ họ tên)***NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ***(Ký và ghi rõ họ tên)**(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Mẫu số 04

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.../...

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh
cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi trong năm qua đã tuân thủ thực hiện các vụ trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Chúng tôi (thành việc đánh giá lại an ninh cảng thủy nội địa có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng theo quy định. Bản đánh giá cảng thủy nội địa gồm.... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài cho chúng tôi./

CÁN BỘ AN NINH CẢNG*(Ký ghi rõ họ tên)***LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP***(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 05**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
STATEMENT OF COMPLIANCE SECURITY OF I
NLAND WATERWAY PORT FACILITY**

Số giấy chứng nhận:.....

Statement Number

Cơ quan cấp:.....

Issue by

CHỨNG NHẬN**CERTIFY THAT**

Tên Cảng thủy nội địa:.....

Name of the Inland Waterway Port Facility

Địa chỉ của Cảng thủy nội địa:.....

Address of the Inland Waterway Port Facility

Đã tuân theo các quy định tại Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và hoạt động phù hợp với Kế hoạch An ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt;

The compliance of aforementioned Port facility with the provisions of Decree No.../2021/ND-CP dated... 2021 by the Prime Minister on management of inland waterway, and this port facility operates in accordance with the approved Inland Waterway Port Security Plan;

Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt phù hợp với hoạt động của loại tàu:

The Security Plan has been approved for the following vessel operations:

(Liệt kê các loại tàu phù hợp)

(List the appropriate vessels)

Giấy chứng nhận phù hợp này có giá trị đến ngày.... tháng năm.... và hàng năm tùy thuộc vào việc kiểm tra (ghi ở mặt sau).

This Statement Certificate of compliance is valid until..... and every year subject to the verification stated on the overleaf (recorded on the following pages)

Cấp tại...

Issued at:

Ngày cấp:..../.../...

Date of issue

Chữ ký của người có thẩm quyền

Signature of the duly Authorized Official

Đóng dấu

(Seal or Stamp of issuing Authority)

(Trang sau)

XÁC NHẬN HÀNG NĂM

ENDORSEMENT FOR VERIFICATIONS

CHỨNG NHẬN lần 1: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

1st VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...
This Certificate of compliance is valid until
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official)

CHỨNG NHẬN lần 2: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

2nd VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...
This Certificate of compliance is valid until... ..
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official).

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

**ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
(Lần đầu)**

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:.....

Thời gian tổ chức đánh giá:.....

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

..., ngày..... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

I. Khái quát về cảng (1)

II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)

III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)

IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)

V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)

VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)

VII. Các khuyến nghị

VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

+ Vị trí;

+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;

+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Hàng rào vòng ngoài;

+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v...

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán

bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các Cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

+ Cấp độ an ninh 2;

+ Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);

b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;

c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;

d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;

đ) Loại công trình cảng;

e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;

g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;

h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;

(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?

(4) tham khảo mục 15.7 phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.

(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.

(6) nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	Tổng quát		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
3	Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa		
4	Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
5	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
6	Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt		
7	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
8	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI	<input type="checkbox"/> Không
II	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có Chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
3	Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	nhiệm của mình không?		
7	Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
8	Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
9	Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
III	Các biện pháp an ninh		
1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
1.1	Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được		
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.2	Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
1.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

	cấp độ an ninh 2 không?		
1.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.1	Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.2	Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được:	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
	- Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
3.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.5	Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
3.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu		
4.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
4.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ;	<input type="checkbox"/> Không
4.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không

	hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không?		
4.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
4.5	Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
4.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
5.1	Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không?	<input type="checkbox"/> Có.	<input type="checkbox"/> Không
5.2	Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không?	<input type="checkbox"/> Có chu kỳ:	<input type="checkbox"/> Không
5.3	Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
5.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5.5	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
6.1	Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

6.2	Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: A. Đi bộ B. Xe đạp, xe máy C. Ca nô	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không
6.3	Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.4	Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.5	Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở Cấp độ an ninh 3 không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
IV	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp		
1	Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

5	Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
6	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
V	Huấn luyện, thực tập và diễn tập		
1	Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng biển không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
2	Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
3	Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
4	Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
5	Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không?	<input type="checkbox"/> Có Biên bản:	<input type="checkbox"/> Không
VI	Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung		
1	Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
2	Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay
VII	Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
1	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
2	Các biện pháp an ninh		
2.1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
2.2	Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa		
2.3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
2.4	Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu		
2.5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
2.6	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa		

3	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp	
4	Huấn luyện, thực tập và diễn tập	

TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
(Ký tên)

..., ngày... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

¹Cảng vụ đường thủy nội địa: 05 ngày;
Cục đường thủy nội địa Việt Nam: 05 ngày.

(Xem tiếp Công báo số 136 + 137)

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 3171/UBND-TP
V/v đính chính Quyết định số
01/2022/QĐ-UBND ngày
26/8/2022 của Ủy ban nhân dân
Quận 10

Quận 10, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Công báo Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân Quận 10 đã ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND về việc bãi bỏ một phần Quyết định số 003/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 10.

Qua tự rà soát, phát hiện lỗi sai sót kỹ thuật, Ủy ban nhân dân Quận 10 đính chính như sau:

- Đính chính số, ký hiệu của “*Quyết định số 003/QĐ-UBND*” thành “*Quyết định số 003/2011/QĐ-UBND*” tại tên gọi và tên Điều 1 của Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hương

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng